



**TỔNG CÔNG TY SONADEZI**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**  
**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG**  
**NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM**



**Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: NƯỚC SÔNG ĐỒNG NAI**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Biên Hòa (ĐĐ: P. Trấn Biên, CS: 36.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Long Bình (ĐĐ: P. Long Bình, CS: 30.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Thiện Tân (Trạm Thiện Tân ĐĐ: P. Long Bình, CS: 200.000m <sup>3</sup> /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
03 Tuần 2	A	/	/	/	/	3	100	

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Thiện Tân (Trạm Nhơn Trạch ĐĐ: P. Long Bình, CS: 100.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Thạnh Phú (ĐĐ: P. Trảng Dài, CS: 15.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Long Thành (ĐĐ: xã Long Thành)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
03 Tuần 2	A	/	/	5	100	/	/	

**Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: NƯỚC HỒ**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Long Bình (ĐĐ: Hồ Trị An, CS: 4.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Núi Lè, CS: 7.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Hồ Gia Ui, CS: 10.000m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: Suối Soong, CS: 4.200m <sup>3</sup> /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
03 Tuần 2	A	7	100	3	100	3	100	3	100	

**Các nhà máy sử dụng nguyên liệu đầu vào: NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

Tháng	Mức độ giám sát	CNCN Long Bình (ĐĐ: xã Bầu Hàm)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: xã Tân Phú, CS: 2.500m <sup>3</sup> /ngày)		CNCN Xuân Lộc (ĐĐ: xã Sông Ray, CS: 130m <sup>3</sup> /ngày)		Liệt kê giá trị các chỉ tiêu chất lượng không đạt
		Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	Số mẫu	Đạt (%)	
03 Tuần 2	A	3	100	5	100	/	/	

Ghi chú: Dấu (/): Không thực hiện.

Trần Biên, ngày 23 tháng 03 năm 2026

**TUO. GIÁM ĐỐC**  
**PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



**Đặng Thị Tâm**



**TỔNG CÔNG TY SONADEZI**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**  
**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH THÀNH PHẨM**



MẪU SỐ 1

KQKTCL

Năm: 2026

**KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG NƯỚC TUẦN 2 THÁNG 03 NĂM 2026**

QCVN 01-1: 2024/BYT

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét
1	Chi nhánh cấp nước Long Bình. Trạm Vĩnh An.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa trạm Vĩnh An.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.29	0.44	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.70	1.77	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
2		Nước sinh hoạt.	Trường PTTT Trị An, ấp Vĩnh An 3.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.20	0.50	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	1.92	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
3		Nước sinh hoạt.	Trường tiểu học Cây Gáo A, ấp Vĩnh An 2.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.24	0.47	Không có mùi lạ	1.04	< LOQ (LOQ=0.039)	0.50	1.33	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
4		Nước sinh hoạt.	Chợ Vĩnh An, ấp Vĩnh An 5.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.29	0.52	Không có mùi lạ	0.91	< LOQ (LOQ=0.039)	0.45	1.78	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
5		Nước sinh hoạt.	Huyện đội Vĩnh Cửu, KP8 (cũ).	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.21	0.62	Không có mùi lạ	0.91	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	2.22	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
6		Nước sinh hoạt.	Số 30, đường Nguyễn Tất Thành, xã Trị An.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.36	0.64	Không có mùi lạ	0.78	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	2.29	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
7		Nước sinh hoạt.	Trường mầm non Sơn Ca, ấp Vĩnh An 2.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.41	0.74	Không có mùi lạ	1.04	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	2.66	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
8		Nước sinh hoạt.	Giếng 1 - trạm Bàu Hàm.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	8.16	0.16	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	2.66	/	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị		Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét
9	Chi nhánh cấp nước Long Bình.	Trạm Vĩnh An.	Nước sinh hoạt.	Giếng 2 - trạm Bàu Hàm.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.97	0.26	Không có mùi lạ	0.58	0.094	0.60	1.11	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
10			Nước sinh hoạt.	Nhà dân - số 89/3, KP5, ấp Tân Hợp, xã Bàu Hàm.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	8.09	0.48	Không có mùi lạ	0.52	0.052	0.40	2.22	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
11	Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú.		Nước sinh hoạt.	Bể chứa CNCN Thạnh Phú.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.22	0.17	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.70	0.89	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
12			Nước sinh hoạt.	Khu phố Vàm, phường Trảng Dài.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.09	0.24	Không có mùi lạ	0.58	< LOQ (LOQ=0.039)	0.50	1.18	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
13			Nước sinh hoạt.	Trạm giao dịch Thạnh Phú.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.22	0.27	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.11	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
14			Nước sinh hoạt.	KP Bình Thạnh, phường Tân Triều.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.25	0.33	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	1.33	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
15			Nước sinh hoạt.	UBND phường Tân Triều	10/03/2026 - 20/03/2026	-	7.27	0.30	Không có mùi lạ	0.52	< LOQ (LOQ=0.039)	0.35	1.41	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
16	Chi nhánh cấp nước Thiện Tân.	Trạm Thiện Tân	Nước sinh hoạt.	Đồng hồ D300 KCN Giang Điền - đường số 6, KCN Giang Điền, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	10/03/2026 - 20/03/2026	-	7.00	0.27	Không có mùi lạ	0.84	< LOQ (LOQ=0.039)	0.39	1.41	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
17			Nước sinh hoạt.	Nhà dân - số 161/G, đường 3/2, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	10/03/2026 - 20/03/2026	-	7.26	0.27	Không có mùi lạ	0.65	< LOQ (LOQ=0.039)	0.42	0.52	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt
18			Nước sinh hoạt.	Đồng hồ D300 KCN Bàu Xéo, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	10/03/2026 - 20/03/2026	-	7.26	0.26	Không có mùi lạ	0.84	< LOQ (LOQ=0.039)	0.42	2.47	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét	
19	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Trạm Gia Ray.	Nước sinh hoạt.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.82	0.15	Không có mùi lạ	0.84	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	1.85	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
20			Nước sinh hoạt.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.58	0.25	Không có mùi lạ	1.23	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	2.15	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
21			Nước sinh hoạt.	10/03/2026 - 20/03/2026	-	7.61	0.13	Không có mùi lạ	0.84	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.11	KPH	0/100ml	0/100ml	Đạt	
22		Trạm Tân Phú.	Giếng 4 - Trạm Tân Phú.	Nước sinh hoạt.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	6.86	0.07	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.55	0.60	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
23				Nước sinh hoạt.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	6.89	0.04	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	0.44	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
24				Nước sinh hoạt.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	6.82	0.04	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.55	0.52	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
25				Nước sinh hoạt.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	6.90	0.03	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.60	0.44	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
26				Nước sinh hoạt.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	6.89	0.07	Không có mùi lạ	< LOQ (LOQ=0.50)	< LOQ (LOQ=0.039)	0.65	0.44	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
27				Nước sinh hoạt.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.42	0.13	Không có mùi lạ	1.17	< LOQ (LOQ=0.039)	0.70	1.26	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
28	Trạm Tâm Hưng Hòa.	Áp Xuân Tâm 5 - xã Xuân Hòa.	Nước sinh hoạt.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.70	0.15	Không có mùi lạ	0.97	< LOQ (LOQ=0.039)	0.40	1.04	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	
29			Nước sinh hoạt.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.40	0.28	Không có mùi lạ	1.23	< LOQ (LOQ=0.039)	0.30	1.63	/	0/100ml	0/100ml	Đạt	

STT	Đơn vị	Loại nước	Vị trí lấy mẫu	Ngày xét nghiệm	Phương pháp lấy mẫu	pH (6.0 - 8.5)	Độ đục (2 NTU)	Mùi	Pecmanganat (2 mg/l)	Amoni (1 mg/l)	Clor dư (0.2 - 1.0 mg/l)	Màu sắc (15 TCU)	Asen (0.01 mg/l)	Coliforms tổng số (<1 MPN / 100ml)	Escherichia Coli (<1 MPN / 100ml)	Nhận xét	
30	Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc.	Trạm Định Quán.	Nước sinh hoạt.	Bể chứa - Trạm Định Quán	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.48	0.26	Không có mùi lạ	1.36	0.051	0.40	2.62	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
31			Nước sinh hoạt.	Phố 1, ấp 3, xã Phú Vinh.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.53	0.23	Không có mùi lạ	1.30	0.095	0.40	2.33	/	0/100ml	0/100ml	Đạt
32			Nước sinh hoạt.	Trường Tô Ong Vàng.	10/03/2026 - 12/03/2026	-	7.61	0.28	Không có mùi lạ	1.30	0.095	0.35	2.47	/	0/100ml	0/100ml	Đạt

**Ghi chú:**

Dấu (-) : Do đơn vị tự lấy mẫu.

Dấu (/) : Không thực hiện.

Trần Biên, ngày 23 tháng 03 năm 2026

**TUQ. GIÁM ĐỐC**  
**PP. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC**



**Đặng Thị Tâm**